

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

=====

NGUYỄN DIỆU LINH

CHUYỂN DI TỪ VỤNG
TRONG VĂN BẢN HỌC THUẬT TIẾNG ANH
CỦA HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC NGƯỜI VIỆT

Chuyên Ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 62 22 02 40

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội - 2021

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội
và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Lâm Quang Đông

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

L luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia
chấm luận án tiến sĩ họp tại
vào hồi giờ ngày tháng năm 2021

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin -Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chuyển di ngôn ngữ là một trong những hiện tượng được các nhà nghiên cứu chú trọng đến từ lâu trong dạy và học ngoại ngữ. Hiện tượng chuyển di từ ngôn ngữ thứ nhất (tiếng mẹ đẻ, gọi tắt là L1) sang ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ (gọi tắt là L2) thường xảy ra khi người học sử dụng một thứ tiếng khác với tiếng mẹ đẻ của mình để thể hiện tư tưởng, ý kiến, văn hóa, v.v... Đây là một hiện tượng không thể tránh khỏi trong quá trình học ngoại ngữ và là một đặc điểm quan trọng trong quá trình thụ đắc ngoại ngữ. Các công trình nghiên cứu của các tác giả như Corder (1967), Kellerman (1977), Faerch và Kasper (1987), Odlin (1989), Ellis (1994) ... cho thấy cách sử dụng ngôn ngữ thứ hai/ngoại ngữ của người đang học có nhiều điểm khác với cách người bản ngữ dùng ngôn ngữ đó. Do đó, cùng với các ngôn ngữ khác, trên thế giới đã hình thành nhiều các biến thể tiếng Anh như tiếng Anh Singapore (Singlish), tiếng Anh Hàn Quốc (Konglish), tiếng Anh Trung Quốc (Chinglish), v.v.

Ở Việt Nam, đã có một vài công trình nghiên cứu hướng đến việc tìm hiểu xem liệu ‘biến thể tiếng Anh Việt Nam’ (Vietlish hay Vinglish) có tồn tại hay không. Tuy nhiên, chuyển di từ vựng là một mảng khó, và hầu như chưa có nghiên cứu nào đề cập riêng và sâu về hiện tượng này ở những người Việt đã và đang sử dụng tiếng Anh thuần thực, thường xuyên để có thể xác định những đặc điểm ổn định, phổ biến, mang tính chất cố hữu, khó, thậm chí là không thể khắc phục. Do đó, chúng tôi đã chọn nội dung “Chuyển di từ vựng trong văn bản

học thuật tiếng Anh của học viên Sau đại học người Việt” làm đề tài luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm thực hiện các mục đích sau đây:

(1) Thông qua khảo sát đặc điểm về cách dùng từ của học viên người Việt, luận án tổng kết một số những tương đồng và khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh khiến cho từ tiếng Việt đã được ‘trực dịch’ (translated word-for-word) sang tiếng Anh, trong khi từ hoặc các kết hợp từ cố định tiếng Anh trực dịch đó không phải là tương đương đích thực của từ tiếng Việt, gây nên sự chuyển di từ vựng từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

(2) Trên cơ sở những căn cứ ngữ nghĩa và tương đồng ngữ nghĩa đó, luận án xác định xem những chuyển di đó phổ biến đến mức nào, có phải là những đặc điểm chung của người Việt sử dụng tiếng Anh ở trình độ này hay không?

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, nghiên cứu đặt ra các nhiệm vụ sau:

(1) Hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến chuyển di ngôn ngữ. Xác định khung lý thuyết có liên quan đến khía cạnh ngữ nghĩa mà luận án nghiên cứu (kết hợp từ cố định).

(2) Xác định các căn cứ ngữ nghĩa và tương đồng ngữ nghĩa trên cơ sở so sánh đối chiếu các yếu tố liên quan giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

(3) Khảo sát, tổng hợp, phân loại các hiện tượng chuyển di thường xảy ra trong luận văn của các học viên cao học Việt Nam. Phân

tích nguyên nhân gây ra các hiện tượng này trên cơ sở những khác biệt và tương đồng giữa hai ngôn ngữ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung vào phân tích hiện tượng chuyển di từ vựng trong các kết hợp từ cố định trong 60 luận văn thạc sĩ viết bằng tiếng Anh do học viên Sau đại học người Việt viết.

4. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Tư liệu nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu này, chúng tôi thu thập tư liệu từ 60 luận văn cao học viết bằng tiếng Anh do học viên người Việt viết thuộc các chuyên ngành Ngôn ngữ và chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tại các trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội, và Đại học Mở Hà Nội, và Học viện Khoa học Quân sự.

4.2. Các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu

4.2.1. Thủ pháp thống kê

Phương pháp này được sử dụng để thống kê các trường hợp chuyển di từ vựng và các kết hợp từ cố định mà người viết hay gặp phải, qua đó chỉ ra được mức độ phổ biến qua số lần, tần suất xuất hiện của các hiện tượng chuyển di đó.

4.2.2. Phương pháp phân tích lỗi

Phương pháp này được sử dụng để phân tích các lỗi chuyển di xuất hiện để tìm ra được các nguyên nhân gây ra lỗi.

4.2.3. Phương pháp so sánh đối chiếu

Phương pháp này được sử dụng để tìm hiểu xem các kết hợp từ cố định khi được chuyển di từ tiếng Việt sang tiếng Anh thì nghĩa có thay đổi không.

4.3. Công cụ và quy trình thu thập xử lý ngữ liệu

4.3.1. Công cụ thu thập ngữ liệu

Để xác định các căn cứ ngữ nghĩa, tương đồng ngữ nghĩa, các từ đồng nghĩa và các kết hợp từ cố định, chúng tôi dựa vào 4 tiêu chí: (1) kho ngữ liệu BNC; (2) từ điển Oxford Collocations Dictionary; (3) từ điển Oxford Learner's Thesaurus; (4) từ điển Anh-Việt; (5) phần mềm Antconc.

4.3.2. Quy trình thu thập và xử lý ngữ liệu

Để thuận tiện cho việc xử lý ngữ liệu, các luận văn được sử dụng trong luận án được thu thập dưới dạng file word.

Bên cạnh phương pháp thống kê thủ công, chúng tôi sử dụng phần mềm Antconc. Để sử dụng phần mềm này, chúng tôi dựa theo giả thuyết của Bahns (1993) và Benson (1986) chia từ loại và kết hợp từ cố định ra thành các loại nhỏ, lọc ra các tiểu từ loại và các kết hợp từ, truy xuất vị trí xuất hiện trong văn bản gốc để phân tích.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần làm cho các căn cứ lý thuyết, các đặc điểm của hiện tượng chuyển di từ vựng tiêu cực xảy ra trong các kết hợp từ cố định được phản ánh một cách đầy đủ hơn và toàn diện hơn.

Bên cạnh đó, luận án này góp phần làm rõ ảnh hưởng tiêu cực của tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ lên tiếng Anh là ngôn ngữ đích của học viên cao học người Việt, thể hiện qua chuyển di từ vựng.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án bước đầu khái quát hướng sử dụng tiếng Anh của người Việt, giúp cho người dạy và người học nhận ra được những thuận lợi

và khó khăn mà người học có thể gặp phải trong quá trình viết các văn bản tiếng Anh học thuật. Từ đó, người dạy và người học có thể tìm ra những phương pháp dạy và học phù hợp để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận cũng như Phụ lục và các phần cần thiết khác theo quy định, nội dung luận án được chia thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận.

Chương 2: Hiện tượng chuyển di từ vựng trong kết hợp giữa thực từ với giới từ

Chương 3: Hiện tượng chuyển di từ vựng trong kết hợp giữa thực từ với thực từ

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về chuyển di ngôn ngữ

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Từ lâu, trên thế giới đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ đối với ngôn ngữ thứ hai. Các nghiên cứu được tiến hành trên nhiều bình diện như ngữ pháp (Killingley, 1967; Wong, 1981;...), ngữ âm (Miller, 1976 ; Muhiburrahman, 2013;...), từ vựng (Sjöholm, 1976 ; Palmberg, 1985; Ringbom, 1983;...)

Kết quả nghiên cứu cho thấy vì tiếng Anh được sử dụng rất phổ biến trên toàn thế giới, nên nó có ảnh hưởng qua lại với ngôn ngữ và văn hóa ở những nơi nó được sử dụng. Điều này thể hiện trong cách sử dụng tiếng Anh ở các nơi khác nhau. Người sử dụng tiếng Anh ở

những nơi khác nhau sẽ vận dụng những cách hiểu về tiếng mẹ đẻ của họ để áp dụng sang cách sử dụng tiếng Anh, từ đó tạo ra lỗi và các hiện tượng chuyển di khác nhau.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Các nhà ngôn ngữ học trong nước cũng đã tiến hành nhiều nghiên cứu về hiện tượng chuyển di. Giống như các nghiên cứu khác trên thế giới, các nhà ngôn ngữ học Việt Nam cũng đã chỉ ra rằng hiện tượng chuyển di tiêu cực sẽ dẫn đến lỗi. Đáng chú ý, phần lớn các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước tập trung vào các lỗi mà người học mắc phải dưới tác động của tiếng mẹ đẻ là tiếng Việt, chủ yếu trên các bình diện như ngữ pháp, ngữ âm. Ví dụ, Hoàng Thị Quỳnh Hoa (1965), Dương Thị Nụ (2009), Bò Thị Lý (2016), Lương Bá Phương (2017), Vũ Thị Huyền Trang (2019),... Các tác giả có cùng chung quan điểm khi cho rằng những khác biệt về đặc điểm ngữ pháp, ngữ âm, ngữ nghĩa của tiếng Việt có tác động không nhỏ tới cách sử dụng tiếng Anh của người Việt. Cụ thể là những khác biệt đó sẽ dẫn tới hiện tượng chuyển di tiêu cực và lỗi.

1.2. Xác định khoảng trống nghiên cứu

Trong luận án này, chúng tôi tiến hành nghiên cứu hiện tượng chuyển di tích cực và tiêu cực trên khía cạnh từ vựng mà học viên cao học người Việt thường hay gặp trong văn bản của họ bằng tiếng Anh. Học viên sau đại học người Việt là những đối tượng có trình độ tiếng Anh cao, thường đã đạt bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo và có thể thể hiện được những biến thể tiếng Anh đặc trưng cho người Việt

học tiếng Anh. Đây là các vấn đề chưa được đề cập đến trong các nghiên cứu từ trước tới nay.

1.3. Cơ sở lí luận của luận án

1.3.1. Một số vấn đề về chuyển di

Các nhà ngôn ngữ học như James (1980), Faerch và Kasper (1987), ... đều cho rằng hiện tượng chuyển di ngôn ngữ nói chung và hiện tượng chuyển di từ vựng nói riêng, xảy ra do sự ảnh hưởng của ngôn ngữ thứ nhất đến ngôn ngữ được thụ đắc.

Hiện tượng chuyển di được chia thành 2 loại: chuyển di tích cực (xảy ra do sự giống nhau giữa hai ngôn ngữ) và chuyển di tiêu cực (được gây ra bởi sự khác nhau giữa tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai).

Hiện tượng chuyển di có thể xảy ra trên nhiều khía cạnh của ngôn ngữ như ngữ pháp, ngữ âm, ngữ nghĩa,

1.3.2. Lỗi và phân tích lỗi

Theo kết quả nghiên cứu của Corder (1967), Richard (1971), ...lỗi xảy ra do cách sử dụng của người học khác với hay lệch chuẩn so với cách dùng của người bản ngữ.

Corder (1967) đã đưa ra 5 bước phân tích lỗi: thu thập lỗi; nhận diện lỗi; miêu tả lỗi, giải thích lỗi; đánh giá lỗi.

Lỗi có thể được phân loại thành lỗi ngữ năng và lỗi ngữ thi (Abbott, 1980; Ellis, 1994) hay lỗi chuyển di và lỗi tự ngữ đích (Nguyễn Thiện Nam, 2001).

1.3.3. Mối quan hệ giữa giao thoa, chuyển di và lỗi

Giao thoa, chuyển di và lỗi có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Sự tiếp xúc, giao thoa giữa các ngôn ngữ sẽ dẫn đến hiện tượng chuyển di, trong đó hiện tượng chuyển di tiêu cực sẽ dẫn đến lỗi.

1.3.4. Khái quát về kết hợp từ cố định

Bên cạnh việc tiếp thu định nghĩa về kết hợp từ cố định của một số nhà ngôn ngữ học như Firth (1957) khi cho rằng các kết hợp từ cố định “là một chuỗi các từ gắn với nhau”, luận án này cũng dựa trên cách phân loại kết hợp từ cố định của Benson (1986) khi chia làm 2 loại: kết hợp từ thiên về cấu trúc (như danh từ với giới từ, động từ với giới từ, ...) và kết hợp từ thiên về ngữ nghĩa như (tính từ với danh từ, động từ với danh từ, ...).

Chương 2

HIỆN TƯỢNG CHUYỂN DI

TRONG KẾT HỢP GIỮA THỰC TỪ VỚI GIỚI TỪ

2.1. Hiện tượng chuyển di trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ

2.1.1. Các dạng thức được chuyển di trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ

Kết quả nghiên cứu cho thấy kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ chiếm tỉ lệ cao nhất (56,8%), tiếp theo là kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ (35,2%) và cuối cùng là kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ (8%).

2.1.1.1. Các dạng thức được chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ

Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ xuất hiện trong các kết hợp như: N + about (attitude about), N + between (difference between), ...

Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ xảy ra trong các kết hợp như: N + about: knowledge

about (kết hợp sai) => knowledge on), N + of (gap of => gap between), ...

Như vậy, trong kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ, hiện tượng chuyển di tích cực xảy ra nhiều hơn so với hiện tượng chuyển di tiêu cực (62,4% và 37,6%).

2.1.1.2. Các dạng thức được chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ

Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ xuất hiện trong các kết hợp như V + about: talk about, V + at (look at), ...

Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ được tìm thấy trong các kết hợp giữa động từ với giới từ *for*, chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong các kết hợp được khảo sát.

Hiện tượng chuyển di tích cực thường xảy ra chủ yếu trong các kết hợp giữa động từ với giới từ (chiếm 98,2%) còn hiện tượng chuyển di tiêu cực xảy ra với tần suất rất thấp.

2.1.1.3. Các dạng thức được chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ

Kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ chiếm 8% tổng số các kết hợp được sử dụng. Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ thường xuất hiện trong các kết hợp sau: Adj + about (crazy about), Adj+ at (good at), ... Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong các kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ xuất hiện trong các kết hợp như Adj + in (significant in),...

Hiện tượng chuyển di tích cực diễn ra thường xuyên trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ (chiếm 75,4%) còn hiện tượng chuyển di tiêu cực chỉ xảy ra trong một số ít trường hợp (chiếm 24,6%).

2.1.2. Nghĩa của giới từ được chuyển di trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ

Trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ *about*, nghĩa số 3 của giới từ này là “về chủ đề (ai/ cái gì) nhằm để chỉ mục đích, đối tượng hoặc phương diện nào đó” là nghĩa được sử dụng nhiều nhất. Nghĩa số 5 của giới từ *between* “chỉ sự liên quan hay mối quan hệ” của giới từ *between* tương đương với nghĩa của giới từ *với* trong tiếng Việt. Đây là nghĩa được chuyển di tích cực nhiều nhất trong các kết hợp. Nghĩa số 6 “huống về ai/ cái gì” được sử dụng trong các kết hợp từ cố định giữa động từ hoặc tính từ với giới từ *at*. Trong các nghĩa của giới từ *for*, nghĩa số 13 là nghĩa được sử dụng nhiều nhất trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ. Trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với *from*, nghĩa số 4 “về ai/ cái gì có nguồn gốc từ đâu hoặc được cất giữ ở đâu” là nghĩa được sử dụng nhiều nhất. Trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với *in*, nghĩa số 13 là nghĩa được sử dụng nhiều nhất. Trong kết hợp từ giữa thực từ với giới từ *of*, có thể thấy nghĩa số 14 là nghĩa được người viết sử dụng nhiều nhất. Nghĩa số 5 là nghĩa được sử dụng nhiều nhất trong cả 3 kết hợp giữa thực từ với giới từ *on*. Nghĩa số 9 của giới từ *with* thường xuất hiện trong các kết hợp từ cố định giữa danh từ, động từ, tính từ với giới từ. Trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với *towards*, nghĩa số 3 được sử dụng trong kết hợp giữa danh từ hoặc tính từ với *towards* và hiện tượng chuyển di tích cực xuất hiện trong các kết hợp đó.

Có thể thấy rằng, mặc dù các giới từ trong tiếng Anh có rất nhiều nghĩa nhưng chúng cũng có khá nhiều nghĩa tương đồng với nghĩa của các giới từ trong tiếng Việt. Điều này có thể tạo ra thuận lợi trong quá trình người Việt sử dụng các kết hợp từ tiếng Anh có sử dụng giới từ. Ngoài ra, bản thân các giới từ tiếng Anh cũng có một số nghĩa giống nhau. Sự giống nhau về nghĩa giữa các giới từ tiếng Anh đó có thể sẽ khiến người Việt gặp phải những khó khăn nhất định, thậm chí dẫn đến lỗi khi sử dụng các kết hợp từ tiếng Anh.

2.1.3. Hiện tượng chuyển di trong kết hợp giữa thực từ và giới từ

2.1.3.1. Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp giữa thực từ và giới từ

i) Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp giữa danh từ với giới từ

Trong kết hợp giữa danh từ với giới từ, kết hợp giữa danh từ và *of* được sử dụng nhiều nhất (58,9%), tiếp theo là kết hợp với *for* (10,5%), *with* (8,3%), *on* (5,9%), *about* (3,1%) và các trường hợp còn lại chiếm 19,2%.

Trong số các nghĩa của các giới từ, nghĩa *về (dùng để chỉ một phương diện nhất định)* được sử dụng nhiều nhất (chiếm khoảng 60% tổng số nghĩa). Nghĩa này xuất hiện trong các sử dụng của các giới từ *about, for, of, with, on, in*.

ii) Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ

Trong kết hợp giữa động từ với giới từ, giới từ *in* được sử dụng nhiều nhất trong các kết hợp, chiếm khoảng 28,1%, tiếp theo là giới từ

on (12,9%), *with* (12,8%), *of* (6,3%), *for* (5,4%), *from* (5,3) và các trường hợp còn lại chiếm khoảng 29,2%.

Trong số các nghĩa của các giới từ, nghĩa *về* (dùng để chỉ một phương diện nhất định) được sử dụng nhiều nhất, chiếm khoảng 65% tổng số nghĩa. Nghĩa này xuất hiện trong các sử dụng của các giới từ *in, of, for, on, with*.

iii) Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ

Kết quả nghiên cứu cho thấy giới từ *of* được sử dụng nhiều nhất, chiếm 26,8%, tiếp theo là giới từ *in* chiếm 24%, thứ ba là giới từ *for* chiếm 23,7%, các giới từ còn lại như *about, from, to, with...* chiếm 25,5%. Các giới từ trên trong các kết hợp khác nhau có nhiều nghĩa khác nhau.

Nghĩa chung được sử dụng nhiều nhất là nghĩa *về* dùng để chỉ một đối tượng, phương diện ... nào đó (chiếm khoảng 50% tổng số nghĩa). Giới từ *về* trong tiếng Việt tương đương với giới từ *in, for, of, about...* trong tiếng Anh. Do đó, nghĩa này được người viết sử dụng và trực dịch rất nhiều trong các kết hợp từ. Hiện tượng chuyển di tích cực xảy ra chủ yếu trong các kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ.

2.1.3.2. Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ

i) Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ

Kết quả khảo sát cho thấy, trong 17227 kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ, các tác giả đã sử dụng sai khoảng 40% các

kết hợp từ cố định. Chúng tôi xác định trong đó khoảng 30% là do người viết chưa nắm rõ về cách sử dụng của các giới từ nên đã tạo ra các kết hợp sai, từ đó xuất hiện hiện tượng chuyển di tiêu cực, 10% là do nhầm lẫn. Hiện tượng chuyển di tiêu cực xuất hiện nhiều nhất trong kết hợp giữa danh từ với giới từ *about* và *of*.

ii) Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ

Trong các kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ, hiện tượng chuyển di tiêu cực hầu như không xảy ra. Các tác giả sử dụng sai một số kết hợp nhưng tần suất rất thấp.

iii) Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ

Hiện tượng này cũng xảy ra với tần suất rất thấp trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ. Người viết chỉ mắc lỗi trong 1 số trường hợp như *significant in*, *beneficial in*, ...

2.2. Nguyên nhân của hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ

2.2.1. Nguyên nhân của hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ

2.2.1.1. Do các kết hợp từ cố định trong tiếng Việt và tiếng Anh có sự tương đương về cấu tạo

Các kết hợp mà người dùng dễ chuyển di từ tiếng mẹ đẻ của mình là tiếng Việt sang ngôn ngữ đích là tiếng Anh là các kết hợp từ cố định, xét về mặt ngữ pháp, có trật tự từ là thực từ kết hợp với giới từ. Ví dụ, *decision about* (quyết định về), *beneficial for* (có lợi cho)

2.2.1.2. Do các kết hợp từ cố định trong tiếng Việt và tiếng Anh có sự tương đương về nghĩa

Nghĩa của các kết hợp từ được giữ nguyên khi trực dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Ví dụ, *a matter with* (vấn đề liên quan đến).

2.2.2. Nguyên nhân của hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ

2.2.2.1. Do sự mở rộng về nghĩa của giới từ

Mặc dù đôi khi các giới từ có thể có một số nghĩa giống nhau nhưng chúng vẫn có những khác biệt nhất định trong cách sử dụng. Tuy nhiên, do người học chưa nắm rõ được chính xác cách sử dụng của các giới từ nên trong nhiều trường hợp, họ đã nhầm lẫn giữa các nghĩa của các giới từ với nhau, sử dụng giới từ này với nghĩa của giới từ kia. Ví dụ, thay vì sử dụng kết hợp đúng là *correlation between*, người viết nhầm thành *correlation of* do đã mở rộng nghĩa của giới từ *of* để chỉ mối quan hệ giữa A và B.

2.2.2.2. Do việc trực dịch các kết hợp từ cố định

Hiện tượng này xảy ra do người viết dịch nghĩa của các từ và ghép lại với nhau mà không quan tâm đến cách sử dụng của các từ. Ví dụ, người viết trực dịch ý “nguyên nhân của...” thành kết hợp sai *reason of* thay cho kết hợp đúng là *reason for*.

CHƯƠNG 3

HIỆN TƯỢNG CHUYỂN DI TRONG KẾT HỢP CỐ ĐỊNH GIỮA THỰC TỪ VỚI THỰC TỪ

Chúng tôi đã thống kê được 907 kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ. Trong đó, kết hợp giữa động từ với trạng từ xuất hiện nhiều nhất (31,1%), tiếp theo là kết hợp từ cố định giữa tính từ từ với danh

từ (26,1%), đứng thứ 3 là kết hợp từ cố định giữa trạng từ với động từ (17,4%), đứng ở vị trí thứ 4 là kết hợp từ cố định giữa động từ với trạng từ (17,2%) và cuối cùng là kết hợp từ cố định giữa trạng từ với tính từ (8,2%).

3.1.1. Tổng quát về hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ

3.1.1.1. Tổng quát về hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa động từ với danh từ

Từ các luận văn thu thập được, chúng tôi đã thống kê được 2715 lượt xuất hiện của kết hợp từ cố định giữa động từ với danh từ, trong đó số lượng kết hợp từ cố định được sử dụng là 282 kết hợp. Phần lớn kết hợp từ trong số đó xuất hiện với tần suất ít nhất 3 lần (chiếm khoảng 2/3 tổng số kết hợp thống kê được) và khoảng 1/3 các kết hợp từ chỉ xuất hiện dưới 3 lần. Ví dụ: *seek clarification, encounter difficulties, ...* Điều đó cho thấy, người viết ở trình độ cao này đã đa dạng hóa các kết hợp được sử dụng. Trong 282 kết hợp đó, có 51 động từ đã được sử dụng để tạo ra các kết hợp từ cố định giữa động từ với danh từ như *boost, seek, ...*

3.1.1.2. Tổng quát về hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa động từ với trạng từ

Qua khảo sát, chúng tôi đã thu được 1573 lượt kết hợp từ cố định giữa động từ với trạng từ tương ứng với 158 kết hợp từ. Trong đó, có 42 trạng từ được sử dụng trong các kết hợp. Nhìn chung, các trạng từ trong các kết hợp từ cố định này khá phổ biến nên được sử dụng khá thường xuyên trong các luận văn. Các trạng từ được sử dụng khá đa dạng. Điều đó cho thấy các tác giả đã tích lũy được 1 lượng

tương đối các kết hợp từ để có thể vận dụng một cách linh hoạt và đa dạng trong nhiều văn cảnh.

3.1.1.3. Tổng quát về hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa trạng từ với động từ

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được 1685 lượt kết hợp từ cố định giữa trạng từ với động từ, trong đó, số lượng kết hợp từ cố định được sử dụng là 156 kết hợp. Phần lớn kết hợp từ trong số đó xuất hiện với tần suất ít nhất 3 lần (chiếm khoảng 4/5 tổng số kết hợp thống kê được) và khoảng 1/5 các kết hợp từ chỉ xuất hiện dưới 3 lần. Điều đó cho thấy, người viết có xu hướng thường xuyên sử dụng các kết hợp từ phổ biến hơn là các kết hợp từ ít gặp. Trong 156 kết hợp đó, có 32 trạng từ đã được sử dụng để tạo ra các kết hợp từ cố định giữa trạng từ với động từ.

3.1.1.4. Tổng quát về hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với danh từ

Qua khảo sát, chúng tôi đã thu được 15182 lượt kết hợp từ cố định giữa tính từ với danh từ tương ứng với 236 kết hợp từ. Chúng tôi đã thống kê các tính từ được sử dụng trong các kết hợp từ và dựa trên tần suất xuất hiện để chia thành 2 nhóm như sau: nhóm 1 có tần suất xuất hiện dưới 5 lần (*proportionate, supportive, ...*), nhóm 2 có tần suất xuất hiện trên 5 lần (*main, specific, ...*).

3.1.1.5. Tổng quát về hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa trạng từ với tính từ

Qua khảo sát, chúng tôi đã thu được 1794 lượt kết hợp từ cố định giữa trạng từ với tính từ tương ứng với 75 kết hợp từ. Chúng tôi đã thống kê các tính từ được sử dụng trong các kết hợp từ và dựa trên

tần suất xuất hiện để chia thành 2 nhóm như sau: nhóm 1 có tần suất xuất hiện dưới 3 lần (*fairly, deeply, ...*), nhóm 2 có tần suất xuất hiện trên 3 lần (*highly, quite, ...*).

3.1.2. Hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ

3.1.2.1. Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ

Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với danh từ xảy ra trong 206 kết hợp (trên tổng số 282 kết hợp), chiếm 73%. Một số kết hợp từ đúng có tần suất sử dụng cao trong các luận văn được khảo sát là:

- develop ability: phát triển kỹ năng
- expressing satisfaction: thể hiện sự hài lòng
- achieve success: đạt được thành công

Về hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với trạng từ, trong 158 kết hợp từ cố định, các tác giả sử dụng đúng 95 kết hợp (trùng ứng với 1251 lượt kết hợp), chiếm 60,1% tổng số kết hợp (trùng ứng với 79,5% tổng số lượt kết hợp). Ví dụ:

- increase significantly: tăng đáng kể
- describe clearly: miêu tả rõ ràng
- express differently: diễn đạt khác nhau

Đối với hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa trạng từ với động từ, trong 156 kết hợp từ cố định, các tác giả sử dụng đúng 93 kết hợp, chiếm 59,6% tổng số kết hợp. Ví dụ:

- largely depends on: phụ thuộc nhiều vào
- considerably impact: ảnh hưởng lớn

- fully understand: hiểu sâu

Về hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với danh từ, trong 236 kết hợp từ cố định, các tác giả sử dụng đúng 132 kết hợp chiếm 55,9% tổng số kết hợp. Ví dụ:

- correct answer: câu trả lời đúng
- wrong answer: câu trả lời sai
- basic assumptions: giả thiết căn bản

Hiện tượng chuyển di tích cực trong kết hợp từ cố định giữa trạng từ với tính từ được tìm thấy 35 kết hợp, chiếm 47,6% tổng số kết hợp (75 kết hợp). Ví dụ:

- very acceptable: độ khả chấp cao
- rather extreme: tương đối cực đoan
- highly appropriate: rất phù hợp

3.1.2.2. *Chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ*

Về hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với danh từ, trong 282 kết hợp từ cố định được sử dụng, có 76 kết hợp là chuyển di tiêu cực, chiếm 27% tổng số lỗi. Ví dụ: identify mistakes => discover mistakes

Đối với hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa động từ với trạng từ, trong 158 kết hợp giữa động từ với trạng từ, 63 kết hợp bị chuyển di tiêu cực, tương ứng với 322 lượt kết hợp, chiếm 39,9% tổng số kết hợp (tương ứng với 20,5% tổng số lượt kết hợp). Ví dụ: *speak aloud => speak loudly.*

Hiện tượng chuyển di tiêu cực cũng được tìm thấy trong kết hợp từ cố định giữa trạng từ với động từ. Trong 156 kết hợp từ cố định

được sử dụng, 63 kết hợp được xác định là chuyển di tiêu cực, chiếm 40,1% tổng số lỗi. Ví dụ: *strongly convinced => deeply/ firmly/ absolutely / completely / full/ totally convinced.*

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa tính từ với danh từ. Trong 236 kết hợp từ cố định, 104 kết hợp là chuyển di tiêu cực, chiếm 44,1% tổng số kết hợp. Ví dụ: *pleasant acceptance => unconditional/ wholehearted/ ready/ uncritical/ unquestioning/ voluntary acceptance.*

Hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa trạng từ với tính từ xuất hiện trong 40 kết hợp, chiếm 52,4% tổng số kết hợp (75 kết hợp). Ví dụ: *significantly greater => very/really greater.*

3.2. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng chuyển di trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ

3.2.1. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng chuyển di tích cực

3.2.1.1. Do các kết hợp từ trong tiếng Việt và tiếng Anh có kết cấu giống nhau

Sự giống nhau về cấu tạo của các kết hợp từ trong hai ngôn ngữ giúp cho học viên người Việt có thể dễ dàng sử dụng đúng bằng cách kết hợp các từ lại với nhau. Trong tiếng Việt, kết hợp giữa động từ với danh từ là một kết hợp phổ biến theo trật tự S + V. Ví dụ: *find answer* (tìm kiếm câu trả lời) có cấu trúc S+V.

3.2.1.2. Do các kết hợp từ trong tiếng Việt và tiếng Anh có sự tương đương về nghĩa

Điều này thường xảy ra ở những kết hợp mà nghĩa của cả kết hợp có thể được dự đoán dựa trên nghĩa của từng thành phần. Ví dụ: *largely depend* (phần lớn phụ thuộc vào).

3.2.2. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng chuyển di tiêu cực

3.2.1.1. Do sự nhầm lẫn giữa nghĩa của các từ gần nghĩa hoặc đồng nghĩa

Như đã đề cập đến trong phần cơ sở lý luận, kết quả nghiên cứu của Yang, Ma và Cao (2013) và Uzun (2020) cho thấy nguyên nhân của các hiện tượng chuyển di tiêu cực trong kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ. Một trong các nguyên nhân mà các tác giả đề cập đến là sự nhầm lẫn về nghĩa hoặc sự thay thế giữa các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa với nhau. Ví dụ: người viết sử dụng kết hợp từ *obtain control* để thể hiện nghĩa “giành quyền kiểm soát”. Tuy nhiên, theo từ điển Anh-Việt (2003), từ *obtain* dùng để chỉ sự “giành được, đạt được” sự sở hữu về cái gì đó thông qua các hoạt động mua, vay, bán... Theo từ điển Oxford Collocations Dictionary, kết hợp đúng là *gain/ get/ take/ win control*. Đây là những động từ thể hiện sự chiến thắng và đạt được cái gì đó thông qua hoạt động cạnh tranh hoặc tranh đấu.

3.2.1.2. Do trực dịch các kết hợp từ từ tiếng Việt sang tiếng Anh nhưng các kết hợp từ trong tiếng Việt chưa được sử dụng chính xác

Đây là lỗi mà người dùng chưa hiểu được chính xác về cách sử dụng các kết hợp từ trong tiếng mẹ đẻ của mình mà vẫn dùng một cách vô đoán, rồi trực dịch từ ngôn ngữ thứ nhất sang ngôn ngữ thứ hai và tạo ra kết hợp sai. Ví dụ: thay vì sử dụng kết hợp đúng là *present clearly/ well*, người viết lại sử dụng kết hợp *presented relatively*

adequately để diễn đạt ý được thể hiện tương đối đầy đủ nên đã dịch trực tiếp từ “đầy đủ” thành từ “adequately”.

KẾT LUẬN

1. Kết quả nghiên cứu

Trong luận án này, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu về hiện tượng chuyển di xảy ra trong các kết hợp từ cố định trong một số luận văn thạc sĩ, chủ yếu thuộc các chuyên ngành Ngôn ngữ học và Phương pháp giảng dạy ở một số trường như Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội, Đại học Mở Hà Nội, Học viện Khoa học Quân sự. Luận án tập trung vào phân tích hiện tượng chuyển di tích cực và tiêu cực trong các kết hợp từ cố định. Luận án được tiến hành nhằm đi sâu vào nghiên cứu một số khác biệt về ngữ nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Anh trên phương diện của kết hợp từ cố định. Trên cơ sở đó, luận án tìm hiểu những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của tiếng Việt đối với tiếng Anh để xem chúng được thể hiện và có kết quả như thế nào trong việc diễn đạt ngôn ngữ thứ hai trong các luận văn của các học viên cao học người Việt.

Các kết hợp từ cố định được chia ra làm nhiều loại khác nhau, nhưng chúng tôi chỉ đi sâu phân tích các kết hợp thường xảy ra hiện tượng chuyển di. Kết quả phân tích cho thấy hiện tượng chuyển di thường xảy ra trong các kết hợp sau:

(1) Kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ gồm có:

- Kết hợp từ cố định giữa danh từ với giới từ
- Kết hợp từ cố định giữa tính từ với giới từ
- Kết hợp từ cố định giữa động từ với giới từ

Hiện tượng chuyển di tích cực thường xảy ra nhiều hơn hiện tượng chuyển di tiêu cực. Điều này có thể giải thích là do các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ mang tính cố kết cao. Ở trình độ thạc sĩ, người sử dụng đã nắm chắc về cách sử dụng của các kết hợp đó nên có thể sử dụng đúng. Hiện tượng chuyển di tiêu cực thường xảy ra ở những kết hợp từ không phổ biến hoặc ở những giới từ có nhiều nghĩa giống nhau. Trong các trường hợp đó, do không nắm chắc về cách sử dụng, người viết sẽ thường nhầm lẫn giữa nghĩa của các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa nên sẽ mở rộng nghĩa của các giới từ hoặc trực dịch các kết hợp từ từ tiếng Việt sang tiếng Anh và tạo ra các kết hợp sai.

Các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy mặc dù một giới từ có thể có nhiều nghĩa, nhưng trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ, chỉ có 1 số nghĩa thường xuyên được sử dụng và chuyển di giữa 2 ngôn ngữ. Đối với những giới từ trong các kết hợp đóng vai trò bổ sung ngữ nghĩa cho các thực từ, người viết có thể gặp nhiều thuận lợi hơn do có thể dựa vào nghĩa của cả kết hợp từ để trực dịch. Trực dịch trong nhiều trường hợp có thể tạo ra các kết cấu sai.

(2) Kết hợp từ cố định giữa thực từ và thực từ gồm có:

- Kết hợp từ cố định giữa động từ với danh từ
- Kết hợp từ cố định giữa động từ với trạng từ
- Kết hợp từ cố định giữa trạng từ với động từ
- Kết hợp từ cố định giữa tính từ với danh từ
- Kết hợp từ cố định giữa trạng từ với tính từ

Tương tự như trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với giới từ, trong các kết hợp từ cố định giữa thực từ với thực từ, hiện tượng

chuyển di tích cực thường xảy ra trong các kết hợp từ phổ biến trong cả 2 ngôn ngữ. Nhờ vậy, người viết có thể dễ dàng sử dụng các kết hợp đúng. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, hiện tượng chuyển di tiêu cực xảy ra rất phổ biến trong các kết hợp giữa thực từ và thực từ. Điều này càng khẳng định kết luận rằng chính thói quen sử dụng các kết hợp từ trong tiếng Việt đã ảnh hưởng đến cách sử dụng tiếng Anh của người viết. Người viết thường nhầm lẫn về nghĩa và cách sử dụng của các từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa nên đã tạo ra các kết hợp sai. Ngoài ra, họ cũng thường áp dụng cách diễn đạt trong tiếng mẹ đẻ sang tiếng Anh mà chưa chú ý đúng mức đến sự phù hợp của các kết hợp.

2. Hạn chế của nghiên cứu

Luận án này mới chỉ tập trung vào nghiên cứu hiện tượng chuyển di bao gồm cả chuyển di tích cực và tiêu cực trong các kết hợp từ cố định trong 60 luận văn thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học và Phương pháp giảng dạy. Đây là một hạn chế lớn của luận án. Do đó, trong các công trình tiếp theo, chúng tôi sẽ cố gắng mở rộng phạm vi nghiên cứu, không chỉ là luận văn cao học mà còn nhiều loại văn bản tiếng Anh khác của người Việt có trình độ tiếng Anh cao hoặc tiến hành nghiên cứu về một số khía cạnh ngữ nghĩa hoặc từ vựng khác để có thể hiểu sâu hơn về hiện tượng chuyển di từ vựng.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần minh chứng về việc phái sinh các biến thể ngôn ngữ trong quá trình thụ đắc ngoại ngữ. Người Việt khi học tiếng Anh đã tạo ra cho mình những cách sử dụng riêng hoặc những kết hợp từ riêng dựa trên kiến thức của tiếng mẹ đẻ. Bên cạnh đó, những kết quả nghiên cứu của luận án cũng có giá trị thực tiễn trong việc dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ

ở Việt Nam. Chúng góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của kết hợp từ cố định và ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ trong quá trình thụ đắc tiếng Anh để từ đó, người dạy và người học có thể điều chỉnh các phương pháp giảng dạy và học tập cho phù hợp, để có thể đạt được những kết quả tốt hơn.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN
QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Diệu Linh (2020), “Lỗi chuyển di trong trong kết hợp từ cố định giữa tính từ và giới từ”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Thủ Đức Hà Nội* (43), tr. 70-80.
2. Nguyen Dieu Linh (2020), “Lexical transfer from Vietnamese to English in collocations between verbs and prepositions”, *ДОТООД ХЭРГИЙН ИХ СУРГУУЛЬ Лого ГАДААД ХЭЛ ЗААХ АРГА ЗУЙН АСУУДАЛ: УЛАМЖЛАЛ БА ШИНЭЧЛЭЛ*, pp. 97-110.
3. Nguyen Dieu Linh (2020), “Errors in collocations between nouns and prepositions”, *2020 International graduate research symposium & 10th East Asian Chinese teaching forum, Vietnam National University, Hanoi, University of Languages and International studies Vol. 2*, pp.476-484.
4. Nguyen Dieu Linh (2021), “Lexical transfer from Vietnamese to English in collocations of verbs and adverbs”, *2021 International graduate research symposium, Vietnam National University, Hanoi, University of Languages and International studies*, pp.103-113.